

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VB
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST

Ngày 09-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đức Tụ

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Khắc Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; nơi cư trú: Thôn VN, xã DB, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Viết C ; nơi cư trú: Thôn ĐA, xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Phạm Viết C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22-01-1999 tại Ủy ban nhân dân xã DB, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 do bất đồng quan điểm, mặt khác do anh C thường ghen tuông, chơi cờ bạc, trai gái, chửi bới đánh đập chị

và con chung nhiều lần. Có lần anh C kè dao vào cổ chị, đánh chị bị gãy xương phải nhập viện điều trị. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Tháng 5/2022 anh C về gia đình anh ở thôn ĐA, xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Viết C .

Về con chung: Chị và anh Phạm Viết C có 02 con chung là Phạm Nguyễn M A, sinh ngày 12-7-1999 hiện nay đã trưởng thành và Phạm V L, sinh ngày 06-5-2008. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con Phạm V L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh C .

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, anh Phạm Viết C xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do chị N có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng đã xảy ra bất hòa. Việc chị N trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do anh chơi cờ bạc, trai gái đánh đập chị và con chung là không đúng làm ảnh hưởng đến uy tín danh dự của anh. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn va chạm do anh bị gia đình chị N đe dọa, đập phá tài sản. Từ tháng 5/2022 đến nay anh đã về gia đình ở thôn ĐA, xã TC, huyện VB sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý, anh chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện chị N phải làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm việc chia tài sản chung của vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N có 02 con chung là Phạm Nguyễn M A, sinh ngày 12-7-1999 hiện nay đã trưởng thành và Phạm V L, sinh ngày 06-5-2008. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con Phạm V L cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung: Anh là bị đơn nên anh không làm đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh

chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn đề nghị thay đổi Thẩm phán, tuy nhiên bị đơn không có căn cứ tài liệu chứng cứ chứng minh Thẩm phán không vô tư khách quan khi làm nhiệm vụ. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu thay đổi Thẩm phán của bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Viết C. Về con chung: Giao con Phạm V L, sinh ngày 06-5-2008 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị N xin tự giải quyết với anh C nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị N và anh C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Phạm Viết C hiện nay cư trú tại Thôn ĐA, xã TC, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Viết C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đề nghị thay đổi Thẩm phán, tuy nhiên bị đơn không có căn cứ tài liệu chứng cứ chứng minh Thẩm phán không vô tư khách quan khi làm nhiệm vụ. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu thay đổi Thẩm phán của bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Viết C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐB, huyện AD, thành phố Hải Phòng vào ngày 22-01-1999, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Nay chị N xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn với anh C. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh C xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do chị N có quan hệ ngoại tình, chị

N xin ly hôn anh không đồng ý, anh chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện vợ, chồng phải giải quyết dứt điểm với nhau về tài sản. Qua xác minh thì thấy vợ chồng chị N và anh C có mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N xin ly hôn với anh Phạm Viết C phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Viết C có hai con chung là Phạm Nguyễn M A, sinh ngày 12-7-1999 hiện nay đã trưởng thành và Phạm V L, sinh ngày 06-5-2008. Khi ly hôn, chị N và anh C cùng đề nghị Tòa án giao con Phạm V L, sinh ngày 06-5-2008 cho anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N xin tự giải quyết với anh C, anh C yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Xét yêu cầu, đề nghị nuôi con chung của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Chị N và anh C đều có nơi ở và thu nhập, tuy nhiên cháu Phạm V L, sinh ngày 06-5-2008 hiện đang ở với chị N và đang học tại xã DB, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Cháu L được chị N chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo và có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con Phạm V L, sinh ngày 06-5-2008 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị N xin tự giải quyết với anh C nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Viết C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Viết C.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm V L, sinh ngày 06-5-2008 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị N tự giải quyết với anh Phạm Viết C nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Viết C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002285 ngày 06 tháng 6 năm 2022. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã ĐB huyện AD, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền